TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chung Hùng D, sinh năm 1971, nơi cư trú: tổ 2, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy H sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 2, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông D, bà H vắng mặt tại phiên tòa (ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chung Hùng D trình bày: Ông D và bà H tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc). Quá trình chung sống, vào khoảng năm 2007, bà H vay mượn nợ của nhiều người và không có khả năng chi trả nên khoảng giữa tháng 01/2008 (cận tết âm lịch năm 2008) bà H đã tự ý bỏ

nhà đi đến qua tết âm lịch thì trở về tiếp tục sinh sống. Sau khi bà H quay trở về, lại tiếp tục gây nợ, ông D không biết mục đích bà H vay mượn nợ, không mang tiền về cho gia đình nhưng lại phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đến tháng 10/2018 thì bà H đã bỏ nhà đi cho đến nay. Cuộc sống chung không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Chung Duy Ng1, sinh ngày 24/02/2001 và Chung Lê Bảo Ng, sinh năm 1998 (cả 02 con đều đã trưởng thành).Về tài sản chung, nợ chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H theo địa chỉ nơi cư trú nhưng không thực hiện được việc tống đạt do bà H vắng mặt tại địa phương. Theo đó, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng bà H vẫn không cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải theo thông báo của Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà H vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D, bà H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông D trình bày nguyên nhân ông D xin ly hôn với bà H là do bà H thường xuyên gây nợ cho gia đình, ông D phải cùng trả nợ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2018 cho đến nay. Cuộc sống chung không còn hòa hợp, Ông D xin ly

hôn với bà H. Bà H không tham dự các phiên hòa giải và phiên tòa theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng bà H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn ông D.

Về con chung: Ông D, bà H có 02 con chung tên Chung Duy Ng1, sinh ngày 24/02/2001 và Chung Lê Bảo Ng, sinh năm 1998 (02 con đều đã trưởng thành) nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Ông Chung Hùng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thúy H. Đồng thời, bà H cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Thúy H thông qua thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[3] Đối với quan hệ hôn nhân, ông D, bà H chung sống với nhau từ năm 1996 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), giấy chứng nhận kết hôn số 123/HT, quyển số 01/96 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo ông D trình bày nguyên nhân ông D yêu cầu ly hôn với là bà H do bà H nhiều lần gây nợ cho gia đình, không mang tiền về cho gia đình nhưng ông D phải cùng trả nợ chung. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đến tháng 10/2018, bà H đã bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu ly hôn với bà H.

Qua xác minh tại Văn phòng khóm M, phường V, thành phố D được biết: Bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 02, khóm M, phường V, thành phố D

nhưng khoảng tháng 01/2018, bà H đã bỏ địa phương đi. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông D, bà H thì địa phương không rõ.

Đồng thời, Tòa án tiến hành ghi lời khai của bà Lê Thị Thúy Liễu là chị ruột cùa bà Lê Thị Thúy H xác định vào khoảng năm 2008, H có gây nợ cho gia đình nên vợ chồng D, H bất hòa và có thời gian H bỏ đi vào dịp cận tết Nguyên đán năm 2008 đến sau tết thì trở về . Sau đó, đến khoảng năm 2018 (không rõ ngày, tháng), tiếp tục gây nợ và bỏ gia đình đi cho đến nay.

Qua các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông D và bà H có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế và ông D, bà H không còn sống chung từ tháng 10/2018 đến nay, thời gian xa cách đã lâu nhưng giữa vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, bà H không còn quan tâm đến gia đình.

Từ những căn cứ trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa ông D, bà H đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng sống xa cách, tình cảm không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên ông D yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D với bà H.

[2] Về con chung: Ông D, bà H có 02 con chung tên Chung Duy Ng1, sinh ngày 24/02/2001 và Chung Lê Bảo Ng, sinh năm 1998 (02 con đều đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông D đã nộp. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chung Hùng D.

Ông Chung Hùng D được ly hôn với bà Lê Thị Thúy H.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Chung Hùng D phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003237 ngày 23 tháng

7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Ông D đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Thúy H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Chung Hùng D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền